

Số: .....<sup>25</sup>...../ VTNN

Đồng Nai, ngày 06 tháng 4 năm 2018

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DOC
- Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: (0251) 3836074 - 3832629 - 3836740 Fax: (0251) 3836270 - 3832689
- E-mail: docambh@vnn.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về **Mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn “ <http://www.docam.vn/vanban.aspx?CatID=62>”

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

Thư mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; Mẫu giấy ủy quyền dự họp

**Đại diện tổ chức**

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**GIÁM ĐỐC**



**Phan Thị Anh Thy**

Đồng Nai, ngày 06 tháng 4 năm 2018

**THƯ MỜI**

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, mã chứng khoán DOC, trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

- \* **Thời gian:** 8 giờ 30 đến 12 giờ ngày 23/4/2018 (thứ Hai)
- \* **Địa điểm:** Khách sạn Đồng Nai, địa chỉ: số 57 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

\* **Nội dung Đại hội:**

- + Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán;
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017; Kế hoạch năm 2018.
- + Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình quản lý Công ty năm 2017.
- + Thông qua Điều lệ (sửa đổi) và Quy chế Quản trị công ty.
- + Các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội.

\* **Điều kiện tham dự Đại hội:** tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần Công ty tại thời điểm chốt danh sách 30/3/2018 hoặc người được ủy quyền hợp lệ. Tỷ lệ thực hiện: 1: 1 (1 cổ phiếu - 1 quyền biểu quyết).

\* **Thủ tục tham dự Đại hội:**

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông xác nhận đăng ký/ ủy quyền tham dự (theo mẫu gửi kèm thư mời này) gửi về Công ty trước 8 giờ ngày 20/4/2018 qua fax, email hoặc thư báo:

Nơi đăng ký: Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3836 270 Fax: 0251. 3836 270 / 3833 289 Email: docambh@vnn.vn

\* **Những vấn đề cần lưu ý:**

- Tài liệu sẽ được phát cho quý cổ đông trong ngày diễn ra Đại hội và được công bố trên website của Công ty: **www.docam.vn** mục quan hệ cổ đông- tài liệu- văn bản.
- Chi phí đi lại, ăn ở trong quá trình tham dự Đại hội do Quý cổ đông tự chi trả.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**  
**Phùng Văn Nhì**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Tên cổ đông ( cá nhân/ tổ chức) :.....  
Số CMND/ Hộ chiếu/GCN ĐKKD số .....cấp ngày.....tại.....  
Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức:.....  
Địa chỉ: .....  
Tổng số cổ phần sở hữu <sup>(1)</sup>:.....  
Bằng chữ:.....

**Căn cứ vào Thư mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 23/4/2018 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, tôi/ chúng tôi xin xác nhận việc tham dự hay ủy quyền tham dự Đại hội như sau ( Vui lòng đánh dấu √ vào ô vuông):**

☐ **Trực tiếp tham dự**

☐ **Ủy quyền cho người khác tham dự**

Tên cá nhân/ tổ chức :.....  
Số CMND/ Hộ chiếu/GCN ĐKKD số .....cấp ngày.....tại.....  
Địa chỉ: .....

☐ **Ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) hoặc Ban Kiểm soát (BKS) Công ty**  
( Vui lòng đánh chéo dấu √ vào ô vuông để ủy quyền cho một trong những thành viên)

- |                                                    |                   |
|----------------------------------------------------|-------------------|
| <input type="checkbox"/> Ông Phùng Văn Nhì         | Chủ tịch HĐQT     |
| <input type="checkbox"/> Bà Phan Thị Anh Thy       | Phó Chủ tịch HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Cao Hùng Lai          | Thành viên HĐQT   |
| <input type="checkbox"/> Bà Mai Thị Xuân Hồng      | Thành viên HĐQT   |
| <input type="checkbox"/> Bà Lê Thị Hoa             | Thành viên HĐQT   |
| <input type="checkbox"/> Ông Ngô Huỳnh Minh        | Trưởng BKS        |
| <input type="checkbox"/> Ông Phạm Chân Hoàng Sơn   | Thành viên BKS    |
| <input type="checkbox"/> Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa | Thành viên BKS    |

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề nêu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được tổ chức vào ngày 23/4/2018.

Bên ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

Đồng Nai, ngày .....tháng.....năm 2018

**Người được ủy quyền**

**Cổ đông**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)

**Lưu ý:**

- (1) Số lượng cổ phần sở hữu của cổ đông theo danh sách tại ngày chốt 30/3/2018.
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người khác hay một trong các thành viên HĐQT/ BKS.
- Vui lòng điền đầy đủ họ tên, số CMND/ Hộ chiếu/ GCNĐKDN, nơi cấp và ngày cấp của người được ủy quyền.
- Vui lòng fax hoặc gửi thư xác nhận tham dự/ ủy quyền về Ban Tổ chức Đại hội Công ty trước 8 giờ 20/4/2018 theo địa chỉ sau:

**Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai**

**Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**

**Điện thoại/ fax: 0251 3836 270 - 3833 289 Email: docambh@vnn.vn**

- Quý cổ đông vui lòng mang theo Thư mời và Giấy chứng minh nhân dân ( hoặc Hộ chiếu) để đổi chiếu. Trường hợp ủy quyền cho người khác tham dự, người được ủy quyền mang thêm bản chính Giấy xác nhận tham dự/ ủy quyền tham dự.
- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 23/4/2018.

DỰ THẢO:

**ĐIỀU LỆ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

**Đồng Nai, tháng 4 năm 2018**

# **MỞ ĐẦU**

## **ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Căn cứ Quyết định số 3097/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Vật tư nông nghiệp Đồng Nai thành công ty cổ phần,

Điều lệ này của **Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai** (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty; các qui định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những qui tắc và qui định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên tổ chức vào ngày ..... tháng 4 năm 2018. Điều lệ này thay thế Điều lệ được thông qua tại Đại hội họp ngày 27/4/2016.

### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

#### **1. Tên Công ty**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: DONG NAI JOINT STOCK COMPANY OF AGRICULTURAL MATERIAL
- Tên Công ty viết tắt: DOCAM

#### **2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.**

#### **3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:**

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251. 3836074 - 3833289 – 3836270 – 3933606
- Fax: 0251. 3836270 / 8830334
- E-mail: docambh@vnn.vn
- Website: www.docam.vn

#### **4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.**

#### **5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.**

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Mua bán, xuất nhập khẩu: phân bón, nông sản, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y chăn nuôi và thuốc thú y thủy sản; vật tư thiết bị phụ tùng máy móc nông nghiệp và thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ, lương thực thực phẩm; giống cây trồng, chất kích thích cây trồng và vật nuôi.

- Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, xi măng, hạt nhựa. Kinh doanh nhà ở.

- Sản xuất, chế biến phân bón tổng hợp, phân vi sinh, vi lượng, phân đặc chủng, bao bì PP; Gia công, chế biến và đại lý mua bán hàng nông sản, lương thực, nông sản thực phẩm chế biến.

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng nông nghiệp, hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp và nhà ở; Vận tải hàng hóa đường bộ. Dịch vụ cho thuê kho, xưởng, giao nhận hàng hóa quốc tế, nội địa và dịch vụ xuất nhập khẩu.

- Mua bán, ươm giống, nuôi trồng hoa phong lan, cây cảnh.

- Gia công đóng gói, đại lý, mua bán lương thực, thực phẩm.

- Mua bán hóa chất.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

Mọi cổ phiếu phát hành phải có đóng dấu của Công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

## **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc (Tổng giám đốc).

### **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng

các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn tám (8) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông (hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc sau khi có kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số

phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

## **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Trong trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết thì tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

- Trong trường hợp công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

## **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
  - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
  - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập/giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
  - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
  - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
  - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
  - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

## **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

## **Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch và 01 Phó chủ tịch. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch trong các phiên họp Hội đồng quản trị nếu được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo với Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc trong trường hợp Chủ tịch phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên

Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị của công ty niêm yết.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty niêm yết.**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người

điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc).

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên đối với công ty niêm yết.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ theo quy định hiện hành;

g. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp với thực tế và kế hoạch tài chính của công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính phải được

trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 38. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho

các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong

giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 43. Công nhân viên và Công đoàn**

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 46. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

##### **Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính,

báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 49. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 50. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 85 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVII. CON DẤU**

#### **Điều 51. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

## **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

## **Điều 53. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **Điều 54. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, ... chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 56. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 57. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Năm (05) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

b. Số còn lại gửi cho các cơ quan Nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật mới có giá trị.

**Người đại diện theo pháp luật**

# MỤC LỤC

## PHẦN MỞ ĐẦU

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

### IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

### V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

### VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

## VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

## VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

## IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

## X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

## XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

## XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

## XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

## XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

Điều 46. Năm tài chính

Điều 47. Chế độ kế toán

## XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 49. Báo cáo thường niên

## XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

## XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

## XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

Điều 53. Gia hạn hoạt động

Điều 54. Thanh lý

## XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

## XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

## XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

**DƯ THẢO:            QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*( Ban hành kèm theo Nghị quyết số        /NQ-ĐHĐCĐ ngày     / 4/ 2018  
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai )*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được xây dựng theo quy định của:

- a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- b. Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- c. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;
- d. Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- e. Điều lệ Công ty.

2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị của Công ty.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.

b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên họp ngày 23 tháng 4 năm 2018 và các bản sửa đổi bổ sung Điều lệ hợp lệ (nếu có).

d. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

đ. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc);

f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau :

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

h. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát

- Công ty mẹ, công ty con;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

## **CHƯƠNG II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP**

#### **VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)**

##### **Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho công ty đại chúng.

##### **Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

##### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông

và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

## **Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc sau khi có kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

## **Điều 7. Cách thức kiểm phiếu**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc.
- d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ

2. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

## **Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

## **Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

## **Điều 10. Biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

#### **Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ

chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **CHƯƠNG III**

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)**

Thành viên HDQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

3. Thành viên HDQT công ty có thể đồng thời là thành viên HDQT của công ty khác.

##### **Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HDQT**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HDQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

##### **Điều 15. Cách thức bầu thành viên HDQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên HDQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HDQT và cổ đông có quyền dồn

hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT;
- e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- f. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

#### **Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;

4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

## **CHƯƠNG IV**

### **HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

#### **Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

#### **Điều 21. Cách thức biểu quyết**

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT (hoặc người được ủy quyền) trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc

hợp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

## **Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

## **Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT**

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

## **Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

# **CHƯƠNG V**

## **KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### **Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên**

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

#### **Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán

### **CHƯƠNG VI**

#### **CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát

triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/ thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

### **Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban**

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG VII**

### **NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

### **Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó giám đốc ( Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

### **Điều 33. Giám đốc (Tổng giám đốc)**

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao

gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- f. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- g. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, phù hợp với thực tế và kế hoạch tài chính của công ty.
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

#### **Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác**

Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

#### **Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

### **Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

### **Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

## **CHƯƠNG VIII**

### **PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)**

### **Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS**

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
  - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
  - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc (Tổng giám đốc)) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
  - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
  - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT
  - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
  - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
  - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến

ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

- d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

### **Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc (Tổng giám đốc)**

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Giám đốc (Tổng giám đốc) về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Giám đốc (Tổng giám đốc) đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng giám đốc).

### **Điều 40. Việc tiếp cận thông tin**

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Giám đốc (Tổng giám đốc);

- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- f. Tài liệu khác liên quan.

#### **Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc)**

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát:

- a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc) (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
- b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc (Tổng giám đốc) để có thêm cơ sở giúp Giám đốc (Tổng giám đốc) trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc (Tổng giám đốc) trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Giám đốc (Tổng giám đốc), BKS thông báo bằng văn bản với Giám đốc (Tổng giám đốc) trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc) tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc): phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Giám đốc (Tổng giám đốc) sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

#### **Điều 42. Phối hợp giữa Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và HĐQT, BKS**

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;
2. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và

HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc (Tổng giám đốc) gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Giám đốc ( Tổng Giám đốc) thực hiện việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý theo các quy định hiện hành và Điều lệ công ty.

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

## **CHƯƠNG IX**

### **ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác.

## **CHƯƠNG X**

### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

#### **Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty**

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT của Công ty niêm yết chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

#### **Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

#### **Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

### **CHƯƠNG XI**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

#### **Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XII**

### **SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

## **CHƯƠNG XIII: NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 52. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 13 chương 52 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày... tháng 4 năm 2018.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất  $\frac{1}{2}$  tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Phùng Văn Nhì**

# MỤC LỤC

## CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

|                                            |   |
|--------------------------------------------|---|
| Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh..... | 1 |
| Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....          | 1 |

## CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

|                                                                                       |   |
|---------------------------------------------------------------------------------------|---|
| Điều 3. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ...           | 3 |
| Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ .....                                               | 3 |
| Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ .....                                         | 3 |
| Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ .....                               | 4 |
| Điều 7. Cách thức kiểm phiếu .....                                                    | 4 |
| Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu .....                                            | 5 |
| Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ .....                                 | 5 |
| Điều 10. Biên bản họp ĐHĐCĐ .....                                                     | 5 |
| Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ .....                                               | 6 |
| Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ..... | 6 |

## CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|                                                                                               |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị .....                                        | 8 |
| Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT ..... | 8 |
| Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT .....                                                  | 8 |
| Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....                           | 9 |
| Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....                   | 9 |
| Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT .....                                  | 9 |

## CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|                                                        |    |
|--------------------------------------------------------|----|
| Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị .....         | 10 |
| Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT .....              | 10 |
| Điều 21. Cách thức biểu quyết .....                    | 10 |
| Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT ..... | 11 |
| Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT .....                   | 11 |
| Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT .....               | 11 |

## CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN

|                                                                                              |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên .....                                                     | 11 |
| Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên ..... | 11 |
| Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên .....                                                  | 12 |
| Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....                           | 12 |
| Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV .....                              | 12 |

## CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|                                        |    |
|----------------------------------------|----|
| Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT ..... | 12 |
|----------------------------------------|----|

|                                                                                                                                                                           |                                                                    |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----|
| Điều 31.                                                                                                                                                                  | Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.....                         | 13 |
| <b>CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</b>                                                                                                                           |                                                                    |    |
| Điều 32.                                                                                                                                                                  | Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp .....              | 13 |
| Điều 33.                                                                                                                                                                  | Giám đốc ( Tổng Giám đốc ) .....                                   | 13 |
| Điều 34.                                                                                                                                                                  | Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác .....              | 14 |
| Điều 35.                                                                                                                                                                  | Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp .....        | 14 |
| Điều 36.                                                                                                                                                                  | Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp .....       | 15 |
| Điều 37.                                                                                                                                                                  | Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp ....   | 15 |
| <b>CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC</b>                                                                                                         |                                                                    |    |
| Điều 38.                                                                                                                                                                  | Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS .....                          | 15 |
| Điều 39.                                                                                                                                                                  | Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc ( Tổng giám đốc).....     | 16 |
| Điều 40.                                                                                                                                                                  | Việc tiếp cận thông tin .....                                      | 16 |
| Điều 41.                                                                                                                                                                  | Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc ( Tổng giám đốc) .....     | 17 |
| Điều 42.                                                                                                                                                                  | Phối hợp giữa Giám đốc ( Tổng Giám đốc) và HĐQT, BKS .....         | 17 |
| <b>CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC. ....</b> |                                                                    |    |
| <b>CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>                                                                                                                         |                                                                    |    |
| Điều 43.                                                                                                                                                                  | Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty .....              | 18 |
| Điều 44.                                                                                                                                                                  | Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty .....       | 18 |
| Điều 45.                                                                                                                                                                  | Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....               | 19 |
| Điều 46.                                                                                                                                                                  | Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....   | 19 |
| Điều 47.                                                                                                                                                                  | Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty... | 19 |
| <b>CHƯƠNG XI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</b>                                                                                                                              |                                                                    |    |
| Điều 48.                                                                                                                                                                  | Trách nhiệm cẩn trọng .....                                        | 19 |
| Điều 49.                                                                                                                                                                  | Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....    | 19 |
| Điều 50.                                                                                                                                                                  | Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                       | 20 |
| <b>CHƯƠNG XII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>                                                                                                             |                                                                    |    |
| Điều 51.                                                                                                                                                                  | Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty .....                   | 21 |
| <b>CHƯƠNG XIII: NGÀY HIỆU LỰC</b>                                                                                                                                         |                                                                    |    |
| Điều 52.                                                                                                                                                                  | Ngày hiệu lực.....                                                 | 22 |

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

Căn cứ nhiệm vụ và quyền được quy định tại Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về hoạt động của HĐQT năm 2017 và định hướng chiến lược, kế hoạch mục tiêu Hội đồng quản trị giao Giám đốc điều hành năm 2018 và thời gian tiếp theo như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

**I. Thuận lợi và khó khăn:**

**1. Về thuận lợi:**

- Công ty Docam là doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành phân bón, nông sản; có uy tín, thương hiệu, tình hình tài chính lành mạnh.
- Được sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ của chính quyền địa phương và Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (cổ đông chi phối) đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của DOCAM.
- Công ty được Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Đồng Nai và Vietinbank Đồng Nai hỗ trợ tín dụng, kể cả vay, mua ngoại tệ để thanh toán hàng nhập khẩu.
- Được sự đồng hành, chia sẻ của đối tác/khách hàng, quý cổ đông cùng những giải pháp đúng đắn, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và sự đoàn kết vượt qua khó khăn của toàn thể nhân viên công ty đã nỗ lực hoàn thành vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

**2. Về khó khăn, tồn tại:**

- Trong năm qua, ngành phân bón vẫn trong trạng thái cung vượt cầu, nông sản gặp khó do giá heo giảm mạnh, giá phân bón và nông sản diễn biến khó lường, các doanh nghiệp trong nước cạnh tranh gay gắt với nhau, chính sách thuế VAT chưa hợp lý dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đầy khó khăn và thách thức
- Năm 2017 sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, hứng chịu nhiều cơn bão, lũ quét, mưa trái mùa kéo dài, ... gây ảnh hưởng rất lớn đến ngành nông nghiệp. Dự báo trong thời gian tới, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến khó lường, điều này sẽ tác động trực tiếp đến các công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trong đó có Docam.
- Chi phí đầu vào của công ty tăng đáng kể do lương tăng, BHXH tăng, tiền thuê đất tăng cao,...

## II. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

| Chỉ tiêu                | ĐVT | Thực hiện 2016 | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2017 | Thực hiện 2017/2016 (%) tăng, giảm | TH/KH 2017 (%) tăng, giảm |
|-------------------------|-----|----------------|----------------|---------------|------------------------------------|---------------------------|
| 1. Tổng sản lượng       | Tấn | 45.919         | 47.969         | 43.000        | 4,5%                               | 11%                       |
| 2. Doanh thu thuần      | Trđ | 318.172        | 326.706        | 320.327       | 2,7%                               | 2%                        |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | Trđ | 6.457          | 7.780          | 6.240         | 20,5%                              | 24%                       |
| 4. Lợi nhuận sau thuế   | Trđ | 5.150          | 6.209          | 4.992         | 20,5%                              | 24%                       |

Năm 2017 tổng sản lượng tiêu thụ tăng 4,5%, doanh thu tăng 2,7% và lợi nhuận tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước. Tất cả các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều vượt so kế hoạch đề ra.

### 2. Cơ cấu sản phẩm:

| Sản phẩm kinh doanh                     | Đơn vị tính | Thực hiện 2016 | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2017 | Thực hiện 2017/2016 (%) tăng, giảm |
|-----------------------------------------|-------------|----------------|----------------|---------------|------------------------------------|
| - Phân bón kinh doanh                   | Tấn         | 32.090         | 34.759         | 34.850        | 8,3%                               |
| - Phân bón Nhà máy sản xuất             | Tấn         | 1.164          | 856            | 1.600         | - 26,5%                            |
| - Nông sản (bắp, mì, cà phê), lúa giống | Tấn         | 5.363          | 11.959         | 5.050         | 123%                               |
| - Thức ăn chăn nuôi                     | Tấn         | 6.113          | 395            | 1.500         | - 93,5%                            |
| - Nguyên liệu hữu cơ                    | Tấn         | 1.189          | /              | /             | /                                  |
| <b>Cộng sản lượng:</b>                  | <b>Tấn</b>  | <b>45.919</b>  | <b>47.969</b>  | <b>43.000</b> | <b>4,5%</b>                        |

Khối lượng sản phẩm kinh doanh thực hiện được 111% kế hoạch, bằng 104,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, mặt hàng nông sản (chủ yếu là mì lát) tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước và vượt kế hoạch đề ra, nguyên nhân tăng là do trong năm

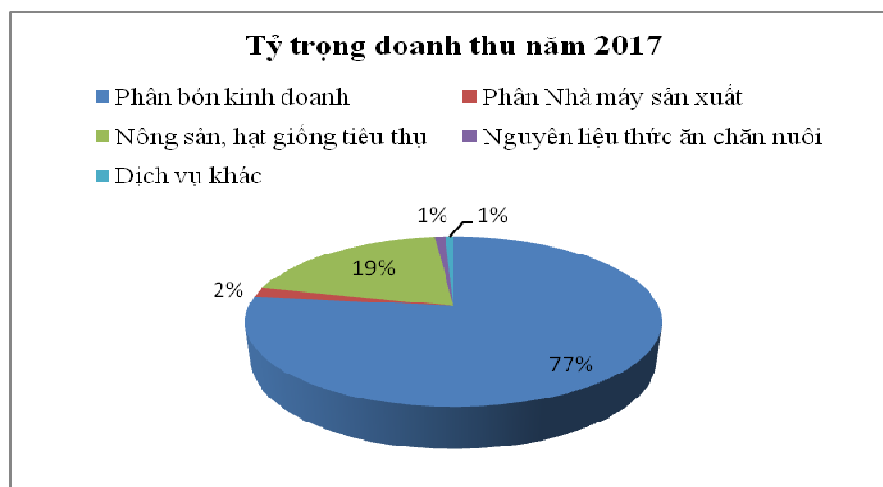
công ty đã mở rộng giao dịch mua bán với Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam (một trong những Công ty sản xuất TĂCN lớn trong nước); Đối với phân bón kinh doanh tăng 8,3% so với năm 2016 và đạt chỉ tiêu nhiệm vụ; Còn mặt hàng thức ăn chăn nuôi và phân bón Nhà máy sản xuất không đạt kế hoạch, nguyên nhân là do phân bón NPK Docam sản xuất chưa được cải tiến chất lượng, mẫu mã vì máy móc thiết bị cũ kỹ, lạc hậu (Nhà máy chuẩn bị di dời do không phù hợp quy hoạch); năm 2017, giá heo hơi giảm mạnh nên việc tiêu thụ thức ăn chăn nuôi cũng bị giảm mạnh theo.

### 3. Cơ cấu doanh thu

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 326.706.359.611 đồng, đạt 102% kế hoạch và so với cùng kỳ tăng 2,6%. Chi tiết doanh thu năm 2017 như sau:

ĐVT: triệu đồng

| Mặt hàng                  | Thực hiện Năm 2016 | Thực hiện Năm 2017 | So sánh 2017/2016 (%) tăng, giảm |
|---------------------------|--------------------|--------------------|----------------------------------|
| Phân bón kinh doanh       | 238.352            | 251.112            | 5,4%                             |
| Phân bón Nhà máy sản xuất | 7.732              | 5.739              | - 25,7%                          |
| Nông sản                  | 35.493             | 63.369             | 78,8%                            |
| Thức ăn chăn nuôi         | 32.841             | 3.253              | - 90,0%                          |
| Hạt giống, thuốc BVTV     | 696                | 762                | 9,4%                             |
| Dịch vụ khác              | 3.058              | 2.471              | - 19,1%                          |
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>318.172</b>     | <b>326.706</b>     | <b>2,6%</b>                      |



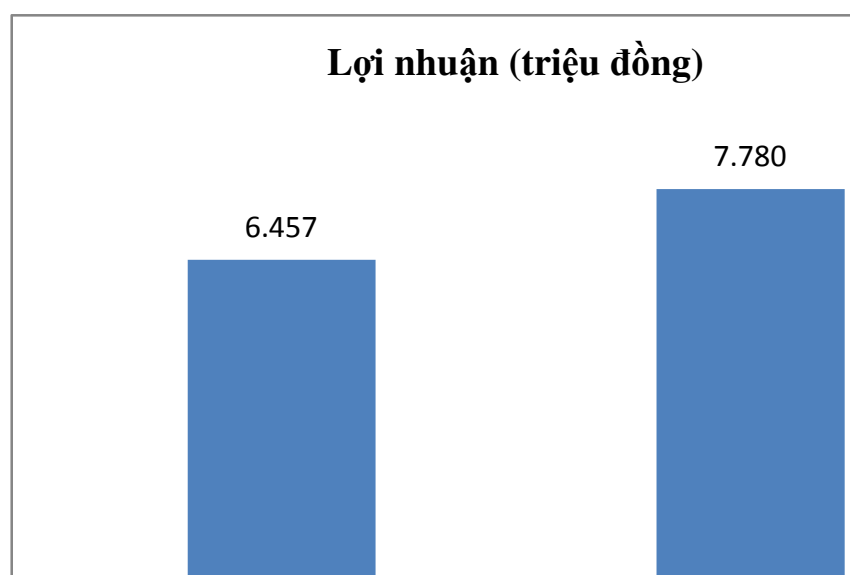
Phân bón kinh doanh là nguồn phân bón do công ty nhập khẩu hoặc mua nội địa và bán cho các khách hàng. Năm 2017, doanh thu phân bón kinh doanh chiếm tỷ trọng cao nhất (76,86% doanh thu thuần) đạt 251,112 tỷ đồng.

Ngoài ra, Nhà máy phân bón thuộc Công ty còn sản xuất và tiêu thụ phân hỗn hợp NPK và phân hữu cơ sinh học, doanh thu mặt hàng này chiếm tỷ trọng thấp (1,76%) trong doanh thu thuần, nguyên nhân là do thị hiếu của khách hàng ưa chuộng các loại phân bón ngoại, thêm vào đó công ty Docam không bán nợ sản phẩm của mình quá nhiều so với các công ty cùng ngành nên đầu ra của Nhà máy còn rất hạn chế.

Công ty còn có những mặt hàng nông sản kinh doanh gồm: khoai mì, bắp hạt, cà phê nhân do Công ty mua về bán lại, chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty (11,15% năm 2016 và 19,39% năm 2017). Doanh thu từ mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chiếm tỷ trọng lớn thứ 3 trong cơ cấu doanh thu thuần năm 2017. Doanh thu từ kinh doanh hạt giống, thuốc bảo vệ thực vật, doanh thu cung cấp dịch vụ (chủ yếu là dịch vụ cho thuê kho xưởng của công ty) và doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể.

#### 4. Cơ cấu lợi nhuận:

| Stt | Chỉ tiêu                    | ĐVT  | Thực hiện<br>2016    | Thực hiện<br>2017    | (%) tăng,<br>giảm |
|-----|-----------------------------|------|----------------------|----------------------|-------------------|
| 1   | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | Đồng | 5.769.839.919        | 7.151.237.936        | 23,9%             |
| 2   | Lợi nhuận khác              | Đồng | 687.064.480          | 629.055.299          | - 8,4%            |
|     | <b>Tổng cộng:</b>           |      | <b>6.456.904.399</b> | <b>7.780.293.235</b> | <b>20,5%</b>      |



Năm 2017, chỉ tiêu lợi nhuận có mức tăng trưởng khả quan. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lợi nhuận (89,35% năm 2016 và

91,91% năm 2017). Tiếp đến là khoản lợi nhuận khác, chủ yếu là hàng dư phân bón Ure khi nhập khẩu, đạt 629 triệu đồng năm 2017, góp phần vào việc tăng trưởng lợi nhuận tăng 20,5% so với năm 2016.

Lợi nhuận từ mặt hàng phân bón kinh doanh là chủ yếu. Phân bón Nhà máy sản xuất không hiệu quả. Kinh doanh nông sản năm 2017 hiệu quả hơn so năm 2016, tuy lợi nhuận gộp chưa cao nhưng công ty vẫn phải duy trì để giữ khách hàng và tìm kiếm cơ hội kinh doanh khi có thể.

### **Đánh giá chung:**

+ Về kinh doanh phân bón: đây là mặt hàng chiếm gần 80% doanh thu của công ty năm 2017. Trong năm, thị trường phân bón trong nước tiếp tục tình trạng cung vượt cầu, giá cả diễn biến khó lường, việc cạnh tranh không lành mạnh vẫn tiếp tục diễn ra. Mặt khác vào những tháng cuối năm, mặt hàng phân bón kali Canada (mặt hàng chiếm sản lượng tiêu thụ nhiều nhất của công ty) bị cạn nguồn nên sản lượng bán ra của mặt hàng này bị sụt giảm. Đối với phân bón Nhà máy sản xuất tiếp tục sụt giảm mạnh sản lượng tiêu thụ. Trước tình hình đó, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp khuyến mãi nhằm tăng sản lượng tiêu thụ và mở rộng thị phần, linh hoạt trong phương thức mua bán, đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng công ty có lợi thế. Điểm tích cực về kinh doanh phân bón trong năm 2017 là Công ty đã lựa chọn được thời điểm thích hợp nhập khẩu một tàu phân Urea Indo đạt hiệu quả cao; giữ vững được thị phần phân bón công ty có lợi thế. Để tạo thu nhập ổn định cho công nhân, Công ty tiếp tục duy trì việc nhập khẩu phân NPK Korea xả về đóng bao tại kho công ty.

+ Về kinh doanh nông sản và thức ăn chăn nuôi (TĂCN): chiếm khoảng 20% doanh thu công ty. Năm 2017, do tình hình thời tiết thất thường cộng với giá heo giảm mạnh nên giá nông sản diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, Công ty đã tích cực tìm kiếm khách hàng đầu vào, đầu ra cho mặt hàng nông sản. Việc kinh doanh nông sản vẫn theo 2 phương thức là mua tạm trữ và mua hàng chuyển thẳng; trong năm Công ty đã mua tạm trữ gần 3.000 tấn mì lát, việc tiêu thụ lượng mì này đạt hiệu quả cao. Điểm nổi bật trong năm là Công ty đã giao dịch lại được với Công ty Greenfeed (một trong những Công ty sản xuất TĂCN lớn trong nước) để tiêu thụ 2.000 tấn mì tạm trữ. Đối với mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, do mới bắt đầu kinh doanh mặt hàng này nên hạn chế về bán hàng và khách hàng tiêu thụ, công ty chủ yếu kinh doanh theo hình thức giao hàng chuyển thẳng, giải quyết tăng thêm doanh thu, còn lợi nhuận rất ít không đáng kể.

+ Dịch vụ: Công ty đã sắp xếp, sử dụng các mặt bằng, nhà kho một cách hợp lý, đưa vào khai thác dịch vụ cho thuê kho để tăng thêm nguồn thu.

Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, công ty đạt doanh thu 326,7 tỷ đồng bằng 102% kế hoạch, sản lượng tiêu thụ đạt 47.969 tấn vượt 11% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế đạt 7,78 tỷ đồng vượt 24% so với kế hoạch được giao. Trong năm không phát sinh công nợ khó đòi. Khả năng tài chính của công ty rất tốt. Với kết quả này, Công ty đã bảo tồn, phát triển vốn của chủ sở hữu và có điều kiện thực hiện phân phối lợi nhuận cho cổ đông. Trong quá trình hoạt động, công

ty tuân thủ tốt nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách theo quy định. Trong năm 2017, công ty đã duy trì được việc làm thường xuyên cho công nhân nhà máy, đời sống người lao động ngày càng được nâng cao, thu nhập bình quân người lao động khoảng 8,3 triệu đồng/tháng (tăng 6,4% so với năm 2016), công ty đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm cho người lao động. Trong năm Công ty phối hợp với BCH Công đoàn tổ chức cho người lao động được tham quan nghỉ mát tại Campuchia. Công ty đã tuân thủ tốt các quy định của sàn giao dịch UPCoM.

*Tóm lại:* Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, cùng sự nỗ lực, phấn đấu của Ban Giám đốc và tập thể người lao động nên trong năm 2017 Công ty đã bảo toàn được vốn, hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông giao.

## **II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:**

### ***1. Những nét cơ bản của kết quả hoạt động***

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2017, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng và có trách nhiệm.

- Năm 2017 với nhiều khó khăn thách thức như đã nêu trên và các yếu tố không thuận lợi của thị trường phân bón, nông sản,... Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng bộ máy nhân sự công ty vẫn bảo đảm các hoạt động ổn định và hiệu quả.

- Về sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban giám đốc kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp nhạy bén; chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, bám sát thị trường.

### ***2. Nội dung các kỳ họp trong năm***

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản đề thống nhất chỉ đạo kịp thời về các nội dung chủ yếu sau:

+ Báo cáo đánh giá kết quả SXKD; Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán; dự kiến về phân phối lợi nhuận 2016;

+ Thống nhất các nội dung chuẩn bị để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2016;

+ Thảo luận về hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2017; dự báo tình hình kinh doanh quý II; Các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

+ Biên bản họp HĐQT về thống nhất chủ trương vay tín dụng tại Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh Đồng Nai để phục vụ SXKD công ty.

+ Quyết định về việc điều chỉnh bậc lương cho người quản lý (Bà Phan Thị Anh Thy - Giám đốc; Ông Cao Hùng Lai – Phó Giám đốc; Bà Lê Thị Hoa – Phó Giám đốc).

+ Thảo luận tình hình SXKD quý II và dự kiến Quý III/2017

+ Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ về chi trả cổ tức năm 2016.

- + Kiến nghị Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính.
- + Thảo luận về chủ trương di dời Khu công nghiệp Biên Hòa 1 của Nhà nước - những tác động, ảnh hưởng đến công ty.
- + Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ về Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính công ty.
- + Biên bản kiểm phiếu Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ về ban hành Quy chế tài chính (sửa đổi bổ sung năm 2017)+ Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- + Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm; Triển khai nhiệm vụ SXKD đến cuối năm.
- + Thảo luận chủ trương biện pháp ngừng hoạt động và đóng cửa Trạm Vật tư nông nghiệp Xuân Lộc (Chi nhánh) khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất.
- + Thảo luận chủ trương về dự án đầu tư mới Nhà máy phân bón.
- + Các công việc khác thuộc thẩm quyền: Thanh lý tài sản cố định không còn sử dụng; Phác thảo định hướng đầu tư của công ty khi đề án chuyển đổi công năng khu công nghiệp Biên Hòa 1 được phê duyệt; Cổ đông Nhà nước thông báo có kế hoạch thoái vốn xuống dưới 50% vốn điều lệ.
- + Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 9 tháng và nhiệm vụ những tháng còn lại của năm 2017.
- + Thảo luận và xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2018.
- + Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2017.
- + Thống nhất nghị quyết chốt danh sách ngày 20/12/2017, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về điều chuyển Quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chia cổ tức.
- + Thống nhất Nghị quyết về tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2017: 3%
- + Về Quỹ tiền lương năm 2017 và Quỹ khen thưởng phúc lợi.
- + Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 01 năm 2017.
- + Nghị quyết về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua việc chuyển nguồn từ Quỹ đầu tư phát triển (3.580.775.684 đồng) vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- + Quyết định về việc Thành lập Ban kiểm phiếu Văn bản lấy ý kiến cổ đông đề thông qua việc điều chuyển Quỹ đầu tư phát triển vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các cuộc họp đều có mặt đầy đủ mọi thành viên HĐQT, đại diện Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc tham dự theo đúng qui định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

***3. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.***

| Stt        | Năm 2017                  | Lương công việc<br>( đồng ) | Thù lao<br>(đồng) | Lợi ích<br>khác |
|------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------|
| <b>I</b>   | <b>Hội đồng quản trị:</b> |                             |                   |                 |
| 1          | Phùng Văn Nhì             | không                       | 36.000.000        | không           |
| 2          | Phan Thị Anh Thy          | /                           | 30.000.000        | không           |
| 3          | Cao Hùng Lai              | /                           | 24.000.000        | không           |
| 4          | Mai Thị Xuân Hồng         | /                           | 24.000.000        | không           |
| 5          | Lê Thị Hoa                | /                           | 24.000.000        | không           |
| <b>II</b>  | <b>Ban Kiểm soát:</b>     |                             |                   |                 |
| 1          | Ngô Huỳnh Minh –TBKS      | 159.671.573                 | /                 | không           |
| 2          | Phạm Châu Hoàng Sơn       | /                           | 18.000.000        | không           |
| 3          | Trương Nguyễn Ngọc Hòa    | /                           | 18.000.000        | không           |
| <b>III</b> | <b>Ban điều hành:</b>     |                             |                   |                 |
| 1          | Phan Thị Anh Thy - GD     | 387.890.236                 | /                 | không           |
| 2          | Cao Hùng Lai – PGĐ        | 332.602.705                 | /                 | không           |
| 3          | Lê Thị Hoa – PGĐ          | 323.979.397                 | /                 | không           |
| 4          | Mai Thị Xuân Hồng - KTT   | 294.259.309                 | /                 | không           |

## **B. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

### **I. Mục tiêu chủ yếu của công ty:**

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và các hoạt động dịch vụ khác nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cổ đông; Xây dựng và phát triển thương hiệu DOCAM trở thành một thương hiệu mạnh về thương mại dịch vụ, vật tư nông nghiệp.

- Chia sẻ và hợp tác với các đối tác/khách hàng, đảm bảo đôi bên cùng có lợi.

- Đồng hành với sự phát triển của các vùng nông nghiệp gắn kết với sự phát triển của Công ty.

- Sử dụng và bảo toàn vốn hiệu quả; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động.

## **II. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, mở rộng thị phần, lấy sản xuất và kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi làm nền tảng duy trì và phát triển.

- Tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư khu thương mại dịch vụ tại Xí nghiệp nông sản Long Khánh trên khu đất 1,7 ha nhằm khai thác có hiệu quả hơn cơ sở vật chất của Công ty.

- Theo đề án của các cấp có thẩm quyền, Khu Công nghiệp Biên Hòa I sẽ được quy hoạch điều chỉnh thành Đất ở kết hợp thương mại dịch vụ 100%. Với các quyết định nêu trên, toàn bộ mặt bằng trụ sở Công ty có diện tích 28.838m<sup>2</sup> Công ty sẽ tự đầu tư chuyển đổi theo quy hoạch khi đề án chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa I được duyệt.

- Nhà Máy phân bón hiện hữu tại phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa thuộc diện di dời do nguy cơ gây ô nhiễm và không phù hợp quy hoạch. Sau khi khảo sát thực tế, để phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh phân bón trong tương lai, công ty có dự kiến sơ bộ tổng quát về dự án đầu tư mới Nhà máy phân bón như sau:

. Vị trí Nhà máy phân bón mới: nằm trong Khu xử lý chất thải Quang Trung, xã Quang Trung huyện Thống Nhất.

. Diện tích: khoảng 2 ha; Đất thuê lại của Công ty Sonadezi Dịch vụ.

. Sản phẩm Nhà máy: phân bón hữu cơ và phân bón tổng hợp.

. Hình thức đầu tư: liên kết, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước thành lập Nhà máy phân bón cổ phần.

. Kinh phí đầu tư: khái toán 30 – 45 tỷ đồng Việt Nam.

## **III. Định hướng và kế hoạch năm 2018**

Năm 2018 được dự báo kinh tế thế giới diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro; Kinh tế trong nước bên cạnh những thành quả đạt được vẫn còn rất nhiều khó khăn. Giá dầu năm 2018 dự kiến sẽ giữ mức giá cao hơn so với giá bình quân năm 2017. Tuy nhiên, sự ổn định này phụ thuộc vào mức độ tuân thủ thỏa thuận này của các thành viên trong OPEC. Chính vì thế, các doanh nghiệp ngành phân bón nói chung và riêng DOCAM cũng cần liên tục cập nhật tình hình để có thể ứng phó kịp thời biến động về giá của phân bón khi giá dầu thay đổi. Giá nông sản biến động khó lường phụ thuộc vào tình hình chăn nuôi trên thế giới và trong nước. Căn cứ điều kiện thực tế của Công ty, HĐQT định hướng, dự kiến kế hoạch năm 2018 như sau:

1. Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở bảo đảm an toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty.

2. Duy trì và phát triển việc kinh doanh phân bón, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón công ty có ưu thế. Chọn thời điểm thuận lợi nhập khẩu số lượng lớn phân bón đầu cơ. Tiến hành thủ tục xin Giấy phép lưu hành phân bón DOCAM theo quy

định tại Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.

3. Duy trì lĩnh vực nông sản (bắp, mì, cà phê, cao su,...). Việc tạm trữ mì lát năm 2018 sẽ gặp khó khăn do giá cao mà chất lượng thấp, tìm nguồn mua ngay bán ngay. Tìm kiếm cơ hội nhập khẩu bắp kinh doanh. Cà phê và cao su chọn thời điểm thuận lợi đầu cơ đối với 2 mặt hàng này.

4. Củng cố công tác thị trường, cố gắng tăng sản lượng hàng bán so với hiện tại. Phân đầu trong năm 2018, phải tăng được khối lượng phân bón kinh doanh thêm từ 6% - 8% so với năm 2017.

5. Thực hiện chủ trương thoái vốn Nhà nước tại Công ty.

6. Ngừng hoạt động Trạm vật tư nông nghiệp Xuân Lộc vì Nhà nước thu hồi đất để mở rộng trụ sở UBND xã Suối Cát.

7. Di dời Nhà máy phân bón ra khỏi đô thị (phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa). Lập dự án tiền khả thi kêu gọi đầu tư Nhà máy phân bón trong năm 2018 - 2019 ở vị trí địa điểm mới.

8. Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên trong hoạt động kinh doanh (nhất là khâu bán hàng) để giữ uy tín và thương hiệu công ty.

9. Công ty nỗ lực phân đầu để đạt kết quả tích cực và chia cổ tức năm 2018 cho quý cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

10. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Với định hướng đó, HĐQT thống nhất với đề xuất của Giám đốc công ty, trình Đại hội cổ đông thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như sau:

## **1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:**

### ***1.1. Nhận định khái quát:***

- Dự báo năm 2018 ngành phân bón thách thức và cơ hội đan xen lẫn nhau. Giá phân bón thế giới bắt đầu chu kỳ tăng trở lại, tuy nhiên giá phân bón nội địa sẽ có độ trễ hơn. Yếu tố tỷ giá là điểm bất lợi lớn nhất đối với phân bón nhập khẩu trong năm 2018. Các doanh nghiệp kinh doanh phân bón tiếp tục đối mặt với tình trạng cạnh tranh khốc liệt với nhau. Khả năng Chính phủ sẽ sửa đổi chính sách thuế VAT có lợi cho doanh nghiệp kinh doanh phân bón.

- Việc kinh doanh nông sản sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2018 do giá heo còn thấp, người chăn nuôi bị lỗ. Giá nông sản thế giới dự đoán tăng. Tình hình sâu bệnh trên cây mì sẽ ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng khoai mì khô.

### ***1.2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:***

| Chỉ tiêu                       | ĐVT | Kế hoạch 2018 |
|--------------------------------|-----|---------------|
| - Tổng sản lượng:<br>trong đó: | Tấn | 45.904        |

|                                                |         |               |
|------------------------------------------------|---------|---------------|
| + Phân bón sản xuất kinh doanh:                | Tấn     | 37.454        |
| . Phân bón kinh doanh:                         | Tấn     | 36.504        |
| . Nhà máy sản xuất:                            | Tấn     | 950           |
| + Nông sản (khoai mì, bắp, cà phê, lúa giống): | Tấn     | 8.450         |
| - Tổng doanh thu:                              | Tỷ đồng | 322,334       |
| - Lợi nhuận trước thuế:                        | Tỷ đồng | 6,25          |
| - Tỷ lệ cổ tức:                                | %       | từ 4% trở lên |

### ***1.3. Các biện pháp tổ chức thực hiện:***

- Đối với hoạt động thương mại phân bón: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường. Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị đối với phân bón kinh doanh của Công ty nhằm tăng sản lượng tiêu thụ so với năm 2017. Tùy theo tình hình điều kiện thị trường, lựa chọn phương thức kinh doanh phù hợp: mua hàng trong nước và nhập khẩu. Đa dạng hoá mặt hàng phân bón kinh doanh, đưa ra thị trường loại bao nhỏ 2 kg, 25 kg. Xây dựng đội ngũ bán hàng và marketing, cải tiến mẫu mã bao bì theo quy định mới, có chính sách bán hàng linh hoạt, chiết khấu/tặng quà để thúc đẩy doanh số. Tạo dựng mối quan hệ mật thiết với các đại lý phân phối, các bạn hàng truyền thống của Công ty, mở rộng khách hàng tiêu thụ đối với các loại phân bón có ưu thế nhằm gia tăng lợi nhuận. Quảng bá hình ảnh phân bón Docam theo hướng phân bón chất lượng cao. Xin Giấy phép lưu hành phân bón DOCAM nhằm nâng cao uy tín và chất lượng phân bón Docam. Tiến hành khảo nghiệm phân bón hữu cơ từ mùn compost.

- Về kinh doanh nông sản: cố gắng duy trì kinh doanh nông sản. Tìm kiếm cơ hội nhập khẩu bắp kinh doanh. Cà phê và cao su chọn thời điểm thuận lợi đầu cơ đối với 2 mặt hàng này. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi như: bã mì, khô đậu nành, lúa mì, ... để đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh.

- Lập Báo cáo tiền khả thi dự án đầu tư mới Nhà máy phân bón hữu cơ và tổng hợp.

- Dịch vụ cho thuê kho: nhằm khai thác hiệu quả mặt bằng, các kho hiện có của công ty bằng các hình thức thích hợp: cho thuê, liên kết hợp tác kinh doanh.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn công ty, áp dụng đòn bẩy tài chính trong kinh doanh.

- Các công tác khác:

. Rà soát, tổ chức lại bộ máy và đội ngũ nhân sự: thực hiện sắp xếp bộ máy nhân sự, lao động phù hợp với tình hình thực tế theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp.

. Tập trung quản trị vốn được giao nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho công ty và cổ đông.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Kính thưa Đại hội,

Với quyết tâm cao của HĐQT, của Ban Giám đốc và toàn thể công nhân viên, người lao động công ty, cùng với các ý kiến đóng góp xây dựng của quý vị cổ đông tại Đại hội này (cũng như tại bất cứ thời điểm nào khác), chúng tôi tin tưởng rằng sẽ mang lại những tác động hữu ích, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng được ngày càng tốt hơn.

HĐQT mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông. Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Docam nỗ lực hết sức để vượt qua thách thức, khó khăn của năm 2018, tạo đà tăng trưởng cho thời gian tiếp theo; Qua đó gia tăng giá trị cho các cổ đông.

Kính chúc quý vị đại biểu, toàn thể cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đồng Nai, ngày 23 tháng 04 năm 2018

## BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

*Năm 2017*

*Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai.*

*Căn cứ Báo cáo tài chính 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam tại Báo cáo kiểm toán số: 18.354/HĐKT-RSM ngày 20/03/2018.*

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty năm 2017 như sau:

### PHẦN A: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH – QUẢN LÝ VỐN, TÀI SẢN

#### I. Kết quả kinh doanh

##### *1. So sánh kế hoạch*

| NỘI DUNG                                 | ĐVT | TH 2017 | KH 2017 | TH/KH (%) |
|------------------------------------------|-----|---------|---------|-----------|
| 1. Doanh thu bán hàng                    | trđ | 326.706 | 320.327 | 102       |
| 2. Tổng Sản lượng                        | tấn | 47.969  | 43.000  | 112       |
| Trong đó:                                |     |         |         |           |
| - Phân bón các loại                      | tấn | 35.615  | 36.450  | 98        |
| - Nông sản, thức ăn gia súc và loại khác | tấn | 12.354  | 6.550   | 189       |
| 3. Lợi nhuận trước thuế                  | trđ | 7.780   | 6.240   | 125       |
| 4. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VCSH     | %   | 7,26%   | 5,83%   | 125       |
| 5. Phải nộp ngân sách nhà nước           | trđ | 3.870   | 2.792   | 139       |

##### *2. So sánh cùng kỳ*

| NỘI DUNG                | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2016 | Năm 2015 | 2017 / 2016 |         | 2017 / 2015 |        |
|-------------------------|-----|----------|----------|----------|-------------|---------|-------------|--------|
|                         |     |          |          |          | Giá trị     | %       | Giá trị     | %      |
| 1. Doanh thu bán hàng   | trđ | 326.706  | 318.172  | 319.597  | 8.534       | 2,68    | 7.109       | 2,22   |
| 2. Doanh thu tài chính  | trđ | 4.014    | 4.156    | 3.019    | (142)       | (3,43)  | 995         | 32,94  |
| 3. Thu nhập khác        | trđ | 629      | 769      | 70       | (140)       | (18,20) | 559         | 798,65 |
| 4. Lợi nhuận trước thuế | trđ | 7.780    | 6.457    | 5.868    | 1.323       | 20,49   | 1.912       | 32,59  |
| 5. Lợi nhuận sau thuế   | trđ | 6.210    | 5.150    | 4.053    | 1.060       | 20,58   | 2.157       | 53,22  |

Doanh thu bán hàng thực hiện năm 2017 đạt 102% so với kế hoạch và tăng 2,68% so với cùng kỳ năm 2016.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017 là 7.780 trđ, đạt 125% so với kế hoạch và tăng 20,49% so với cùng kỳ năm 2016. Cơ cấu lợi nhuận như sau:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là: 7.151 trđ (*chiếm 92% tổng lợi nhuận trước thuế*) bao gồm:

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính là bán hàng và các dịch vụ là: 3.185 trđ (*chiếm 45% lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh*)

+ Thu nhập từ hoạt động tài chính là: 3.966 trđ (*chiếm 55% lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh*) chủ yếu là tiền lãi.

- Lợi nhuận khác là 629 trđ (*chiếm 8% tổng lợi nhuận trước thuế*) chủ yếu là hàng nhập khẩu dư.

**Đánh giá:** Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn như: giá phân bón và nông sản liên tục biến động, thời tiết thất thường, chính sách thuế GTGT phân bón chưa phù hợp,, ... đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng đã đạt kết quả tương đối tốt, vượt 25% so với kế hoạch.

## II. Tình hình tài chính

### 1. Khả năng sinh lời

| STT | Chỉ tiêu                               | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2016 |
|-----|----------------------------------------|-----|----------|----------|
| 1   | Tỷ suất LN sau thuế/DTT (ROS)          | %   | 1,90     | 1,62     |
| 2   | Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | %   | 5,18     | 4,37     |
| 3   | Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)      | %   | 5,80     | 4,67     |

Các chỉ số sinh lời năm 2017 đều tăng so với năm 2016.

### 2. Khả năng thanh toán

| STT | Chỉ tiêu                           | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2016 |
|-----|------------------------------------|-----|----------|----------|
| 1   | Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn | Lần | 9,11     | 9,73     |
| 2   | Hệ số khả năng thanh toán nhanh    | Lần | 6,28     | 8,12     |
| 3   | Hệ số Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | Lần | 0,11     | 0,10     |
| 4   | Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,12     | 0,11     |

Các hệ số khả năng thanh toán đều > 1 cho thấy khả năng thanh toán nợ của Công ty đạt mức cao. Hệ số nợ phải trả so với nguồn vốn thấp cho thấy khả năng độc

lập về mặt tài chính của Công ty rất cao, do đó mức độ rủi ro tài chính từ những biến động trên thị trường tài chính là thấp.

### **III. Quản lý tài sản**

#### **1. Tình hình quản lý tài sản**

##### **a. Quản lý tiền và hàng tồn kho**

- Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2017 là 50.322 trđ, trong đó Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng là 48 tỷ đồng.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm 31/12/2017 là 11.000 trđ, đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 năm tại ngân hàng.

- Giá trị hàng tồn kho đến 31/12/2017 là 36.179 trđ. Phân bổ tồn kho cuối năm là hàng đang luân chuyển và còn hạn sử dụng.

##### **b. Quản lý tài sản cố định**

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm là: 28.650 trđ, trong đó nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.429 trđ. Trong năm Công ty có thực hiện đầu tư 1 tài sản cố định với nguyên giá 1.016 trđ. Chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm là: 678 trđ, giá trị còn lại đến cuối năm là: 3.619 trđ.

Nhìn chung, Công ty quản lý tài sản cố định tương đối chặt chẽ, có mở thẻ cho tất cả các tài sản hiện có; Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

#### **2. Tình hình quản lý công nợ**

- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2017 của Công ty là 18.680 trđ, chủ yếu là nợ đang luân chuyển với khoản phải thu khách hàng 16.189 trđ, trả trước cho người bán 2.265 trđ. Nợ không luân chuyển là 177 trđ chiếm tỷ lệ 0,95% (*nợ trên 3 năm*) Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%. Cuối năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng với tỷ lệ đối chiếu được là 96,2%.

- Tổng nợ phải trả đến 31/12/2017 là 12.749 trđ, chủ yếu là nợ phải trả trong kinh doanh với khoản phải trả người bán 1.921 trđ, người mua trả tiền trước 3.483 trđ, phải trả người lao động là 1.834 trđ, chi phí phải trả ngắn hạn là 549 trđ (*trong đó chủ yếu là khoản trích bổ sung tiền thuê đất phải trả năm 2016+2017 cho Công ty Sonadezi là 407 trđ*), phải trả ngắn hạn khác (*tiền cổ tức phải trả cho cổ đông*) là 3.883 trđ. Cuối năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng với tỷ lệ đối chiếu được là 83,8%.

Công ty quản lý tình hình công nợ khá tốt, hạn chế tình trạng bị chiếm dụng vốn. Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng theo đúng quy định tại Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ của Công ty.

#### **IV. Thực hiện nghĩa vụ, chế độ quy định**

##### ***1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (đvt: trđ)***

| <b>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b> | <b>Số đầu kỳ</b> | <b>Số phải nộp trong kỳ</b> | <b>Số đã nộp trong kỳ</b> | <b>Số cuối kỳ</b> |
|--------------------------------------------|------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------|
| - Thuế giá trị gia tăng                    | 24               | 249                         | 251                       | 23                |
| - Thuế xuất, nhập khẩu                     | -                | 714                         | 714                       | -                 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp               | 677              | 1.570                       | 1.588                     | 659               |
| - Thuế thu nhập cá nhân                    | 2                | 211                         | 176                       | 37                |
| - Thuế nhà đất và tiền thuê đất            | -                | 1.114                       | 1.114                     | -                 |
| - Lệ phí môn bài                           | -                | 12                          | 12                        | -                 |
| <b>Cộng</b>                                | <b>703</b>       | <b>3.870</b>                | <b>3.854</b>              | <b>718</b>        |

- Tổng số phải nộp NSNN trong năm 2017 là 3.870 trđ, so với kế hoạch là 2.792 trđ, tăng 1.078 trđ, tương ứng tỷ lệ tăng 39%.

- Công ty đã chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đã thực hiện kê khai và nộp tất cả các khoản thuế đúng theo quy định hiện hành.

##### ***2. Tiền lương và các khoản trích theo lương***

Năm 2017, Công ty thực hiện trích lương theo hướng dẫn tại thông tư 28/2016-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Tổng quỹ lương thực trích trong năm là 5.992 trđ, trong đó:

- Quỹ lương của người lao động là: 4.509 trđ, mức lương bình quân đạt 7,09 trđ/tháng/người;

- Quỹ lương của người quản lý là: 1.483 trđ, mức lương bình quân đạt 24,72 trđ/tháng/người.

**Đánh giá:** Công ty thực hiện việc trích - chi trả lương theo quy định và thực hiện đầy đủ các khoản đóng bảo hiểm theo lương cho người lao động.

### **PHẦN B: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **I. Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng và tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty; tuân thủ tốt các quy định của pháp luật trong công tác quản lý cũng như trong các giao dịch.

2. Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp 04 kỳ và ban hành các văn bản với các nội dung chính như sau:

- Thảo luận các biện pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2017 đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Soạn thảo và trình lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tài chính sửa đổi;
- Thảo luận về việc ngưng hoạt động Trạm VTNN Xuân Lộc do Nhà nước thu hồi đất để mở rộng UBND Xã Suối Cát;
- Thảo luận về phương án đầu tư nhà máy sản xuất phân bón mới;
- Thảo luận về định hướng của Công ty khi KCN Biên Hoà I chuyển đổi công năng;
- Thảo luận về kế hoạch thoái vốn của cổ đông lớn (cổ đông nhà nước);
- Quyết nghị về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2017;
- Quyết nghị về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc điều chuyển quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận chưa phân phối;
- Thảo luận và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2018;
- Các nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động Công ty: thông qua quyết toán quỹ lương 2016, kế hoạch quỹ lương 2017 và chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

3. Nhận xét: Hội đồng Quản trị Công ty đã hoạt động tích cực, nắm bắt tình hình sâu sát, đề ra các định hướng và các giải pháp phù hợp, hiệu quả đã mang lại nhiều kết quả trong SXKD của Công ty.

## **II. Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có 03 thành viên, gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Ban Giám đốc đã phân công, phân nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên.

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị giao cho Ban Giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính - lao động hàng năm và các nhiệm vụ khác theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Ban Giám đốc đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và tuân thủ tốt các quy định của pháp luật trong công tác quản lý cũng như trong các giao dịch, thể hiện ở kết quả hoạt động SXKD của Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao; đời sống người lao động được ổn định.

## **III. Đánh giá chung**

Năm 2017, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc cùng với toàn thể người lao đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp trong SXKD đạt hiệu quả kinh doanh, vốn Công ty được bảo toàn. Tình hình tài chính Công ty hiện tại là an toàn, vững mạnh.

### **PHẦN C: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban Kiểm soát hiện có 03 người trong đó có 01 thành viên chuyên trách, đáp ứng cơ cấu theo quy định pháp luật và điều lệ. Năm 2017 Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác năm. Các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình SXKD, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật.

Trong hoạt động có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị: Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị và tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động của Công ty; qua đó cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện tốt hơn.

Các khoản thu nhập từ lương và thù lao trong năm 2017 của Ban kiểm soát phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2017 và theo hướng dẫn tại thông tư 28/2016-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trong năm, số tiền thực nhận chi tiết như sau:

| Họ tên                 | Chức vụ                 | Lương (VND)        | Thù lao (VND)     |
|------------------------|-------------------------|--------------------|-------------------|
| Ngô Huỳnh Minh         | Trưởng BKS chuyên trách | 159.671.573        | 0                 |
| Trương Nguyễn Ngọc Hòa | Kiểm soát viên          | 0                  | 18.000.000        |
| Phạm Châu Hoàng Sơn    | Kiểm soát viên          | 0                  | 18.000.000        |
| <b>Cộng</b>            |                         | <b>159.671.573</b> | <b>36.000.000</b> |

### **PHẦN D: KIẾN NGHỊ**

Kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- Rà soát lại các hợp đồng thuê đất và thực hiện các thủ tục về mặt pháp lý như: gia hạn thời gian sử dụng, ký lại hợp đồng thuê đất, ký lại phụ lục xác định giá thuê đất;

- Xúc tiến kế hoạch di dời Nhà máy phân bón ra khỏi khu dân cư và đầu tư nhà máy mới, xin giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ;

- Tiếp tục liên hệ với các cơ quan chức năng tiến hành các thủ tục liên quan đến việc kinh doanh tất cả các loại phân bón để lưu thông sản phẩm trên thị trường;

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường và tăng cường công tác tiếp thị để nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Tiếp tục tăng cường thực hiện tốt việc quản lý công nợ, tránh rủi ro phát sinh công nợ khó đòi;

- Rà soát các tài liệu, chứng từ liên quan đến những công nợ phải thu khó đòi đã xử lý trích lập dự phòng để tiến hành xử lý nợ theo quy định.

- Tiếp tục chú trọng và làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD và quản lý của Công ty.

## **PHẦN E: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2018**

Để hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy chế, quy định của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về lao động, tiền lương và các chế độ đối với người lao động.

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.

- Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty.

*Trên đây là toàn văn Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017, kính trình Đại hội đồng cổ đông.*

*Trân trọng báo cáo!*

**Nơi nhận:**

- ĐHĐ cổ đông;

- HĐQT Công ty;

- Lưu: BKS Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**Ngô Huỳnh Minh**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

## **TỜ TRÌNH**

### **Về Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán, kết quả hoạt động năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018**

Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán số 18.354-1/HĐKT-RSM ngày 20/03/2018, theo đó:

#### **1. Kết quả chủ yếu về hoạt động SXKD - Tài chính năm 2017 như sau:**

- Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ: 326.706.359.611 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 7.780.293.235 đồng
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn CSH: 7,26 %
- Thuế và các khoản phải nộp ngân sách: 3.869.530.899 đồng, trong đó:  
Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.570.458.647 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 6.209.834.588 đồng

Báo cáo tài chính với số liệu trên đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán xác nhận “phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

#### **2. Về nhiệm vụ kế hoạch năm 2018**

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm vừa qua và điều kiện tình hình thực tế, Công ty xây dựng Kế hoạch cho năm 2018 như sau:

- Doanh thu: 322,334 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 3,230 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 6,250 tỷ đồng
- Thuế TNDN: 1,250 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 5,000 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH: 4,8%

- Quỹ lương 2018, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức: thực hiện theo Quy chế tài chính, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, như sau:

+ Quỹ lương 2018: thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 5%;

+ Quỹ khen thưởng và phúc lợi Người lao động không quá 3 tháng lương;

- + Quỹ thưởng của người quản lý không quá 1,5 tháng lương;
- + Lợi nhuận để chia cổ tức: dự kiến 4 tỷ đồng;
- + Tỷ lệ cổ tức dự kiến: từ 4%/cổ phiếu trở lên.

Thực hiện: giao cho Hội đồng Quản trị quyết định và thực hiện việc chi trả theo tình hình của thị trường tại thời điểm thích hợp.

Hội đồng Quản trị báo cáo, xin ý kiến Đại hội về thông qua báo cáo tài chính, kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 nêu trên./.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

**TỜ TRÌNH**  
**Về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017**

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và kết quả lợi nhuận (theo báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán);

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định về phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

**I. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận 2017:**

**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 6.266.558.332 đồng**, bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước để lại: 56.723.744 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2017: 6.209.834.588 đồng

**II. Phân phối lợi nhuận:**

\* Lợi nhuận năm 2017 phân phối 3 quỹ:

+ Quỹ đầu tư phát triển:  $5\% \times 6.209.834.588 \text{ đồng} = 310.491.729 \text{ đồng}$

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi Người lao động (theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 03 tháng lương):

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017, đề nghị quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động là 3 tháng lương:

$4.509.000.000 \text{ đồng} / 12 \times 3 \text{ tháng} = 1.127.250.000 \text{ đồng}$

+ Quỹ thưởng của người quản lý (theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH không quá 1,5 tháng lương):

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017, đề nghị quỹ thưởng của người quản lý là 1,5 tháng lương:

$1.483.200.000 \text{ đồng} / 12 \times 1,5 \text{ tháng} = 185.400.000 \text{ đồng}$

Cộng 3 quỹ: 1.623.141.729 đồng

\* Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ:

$6.209.834.588 \text{ đồng} - 1.623.141.729 \text{ đồng} = 4.586.692.859 \text{ đồng}$

\* Lợi nhuận chia cổ tức:

$4.586.692.859 \text{ đồng} + 56.723.744 \text{ đồng} = 4.643.416.603 \text{ đồng}$

\* Trả Cổ tức năm 2017: 4.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá: 4% tương đương 400 đồng/cổ phiếu (đã tạm ứng cổ tức vào tháng 01/2018 là 3% tương đương 300 đồng/cổ phiếu; Chia tiếp cổ tức còn lại 1% = 100 đồng/ cổ phiếu).

\* Lợi nhuận còn lại: 4.643.416.603 đ - 4.000.000.000 đ = 643.416.603 đồng

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động công ty, Hội đồng Quản trị xin báo cáo trình Đại hội thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như trên, để thực hiện theo luật định.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

## **TỜ TRÌNH**

### **Về: Thông qua chủ trương cho lập Báo cáo tiền khả thi Dự án đầu tư mới Nhà máy phân bón**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT xin báo cáo với Đại hội để thông qua như sau:

Nhà máy phân bón hiện hữu tại phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa thuộc diện di dời do nguy cơ gây ô nhiễm và không phù hợp quy hoạch. Sau khi khảo sát thực tế, để phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh phân bón trong tương lai, công ty có dự kiến sơ bộ tổng quát về dự án đầu tư mới Nhà máy phân bón như sau:

- . Vị trí Nhà máy phân bón mới: nằm trong Khu xử lý chất thải Quang Trung, xã Quang Trung huyện Thống Nhất.
- . Diện tích: khoảng 2 ha; Đất thuê lại của Công ty Sonadezi Dịch vụ.
- . Sản phẩm Nhà máy: phân bón hữu cơ và phân bón tổng hợp.
- . Hình thức đầu tư: liên kết, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước thành lập Nhà máy phân bón cổ phần.
- . Kinh phí đầu tư: khái toán 30 – 45 tỷ đồng Việt Nam.

Để có thể đầu tư Nhà máy phân bón mới, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương cho tiến hành lập Báo cáo tiền khả thi Dự án đầu tư mới Nhà máy phân bón hữu cơ và tổng hợp.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động công ty, Hội đồng Quản trị xin báo cáo trình Đại hội thông qua nội dung trên, để thực hiện theo luật định.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

**TỜ TRÌNH**  
**Về Thông qua việc chia cổ tức từ chuyển Quỹ đầu tư phát triển  
vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/01/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản);

Đại hội đã nhất trí thông qua việc chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền 3.580.775.684 đồng để chia cổ tức.

Nay Hội đồng Quản trị báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định:

Thông qua việc chia cổ tức từ nguồn điều chuyển Quỹ đầu tư phát triển số tiền 3.500.000.000 đồng tương đương 3,5%/cổ phiếu (350 đồng/cổ phiếu).

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động công ty, Hội đồng Quản trị xin báo cáo trình Đại hội thông qua nội dung trên, để thực hiện theo luật định.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

\*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

### **TỜ TRÌNH**

**Về ủy quyền Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản và hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty**

---

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ Điều lệ và Quy chế tài chính Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;

Để việc thực hiện giao dịch đầu tư/ bán tài sản và hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản ( thuộc thẩm quyền của Đại hội ) được kịp thời, thuận lợi và đảm bảo các quy định hiện hành; Hội đồng quản trị báo cáo và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông như sau:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giao dịch đầu tư/ bán số tài sản và các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

## **TỜ TRÌNH**

***Về: Thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát  
và tiền lương của người quản lý chuyên trách, của Trưởng ban Kiểm soát***

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT xin báo cáo với Đại hội để thông qua như sau:

### **A. THÙ LAO:**

#### **I. Thù lao thực hiện năm 2017:**

Ngày 21/4/2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua Nghị quyết về mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017. Tổng mức thù lao năm 2017 đã thực hiện theo như qui định của Đại hội là 174 triệu đồng, trong đó:

- Thù lao HĐQT là: 138 triệu đồng,
- Thù lao Ban Kiểm soát là: 36 triệu đồng.

#### **II. Kế hoạch thù lao năm 2018:**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, xin báo cáo mức thù lao dự kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 tương đương như mức thù lao năm 2017 để Đại hội xem xét và biểu quyết như sau:

##### **1. Mức thù lao thành viên HĐQT (5 người):**

- Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 2.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/tháng

##### **2. Mức thù lao Kiểm soát viên (2 người):**

- Thù lao Kiểm soát viên : 1.500.000 đồng/tháng/người
- Trưởng BKS (chuyên trách): không có thù lao; hưởng lương chuyên trách.

### **B. TIỀN LƯƠNG:**

**1. Kế hoạch tiền lương của người quản lý chuyên trách năm 2018** (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban Kiểm soát): thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

##### **2. Tiền lương Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách:**

- Tiền lương bình quân thực hiện của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2017 là 13.200.000 đồng/tháng.
- Kế hoạch năm 2018: Thu nhập của Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách tính theo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty; việc trả lương thực hiện theo Quy chế trả lương của Công ty, mức lương 13 triệu đồng/tháng. Tổng thu nhập tối đa không quá 20 triệu đồng/tháng.

Kính đề nghị Đại hội xem xét thông qua.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

**TỜ TRÌNH**  
**Về ủy quyền chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông;

Để việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2018 được kịp thời, thuận lợi và đảm bảo các quy định hiện hành; Ban Kiểm soát báo cáo và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông như sau:

**Việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 thuộc thẩm quyền của Đại hội:** Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chọn đơn vị kiểm toán độc lập (là một trong 2 đơn vị kiểm toán sau đây) để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 công ty theo qui định hiện hành:

- Công ty TNHH Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

Kính đề nghị Đại hội xem xét quyết định.

**BAN KIỂM SOÁT**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

**TỜ TRÌNH**

**Về: Sửa đổi Điều lệ và thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT xin báo cáo với Đại hội để thông qua như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (đính kèm Điều lệ).

2. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (đính kèm Quy chế).

Ủy quyền cho HĐQT triển khai các thủ tục công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

**TỜ TRÌNH**  
**Về: Thoái vốn của cổ đông Nhà nước**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ văn bản số 4328/UBND-KT ngày 01/12/2017 của UBND Tỉnh Đồng Nai về phê duyệt danh mục doanh nghiệp sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 2017-2019;

Văn bản số 73/TCTCNTP-HĐTV ngày 21/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai về việc xây dựng Phương án thoái vốn đầu tư của Tổng công ty tại công ty;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT xin báo cáo với Đại hội để thông qua như sau:

Thông qua việc thoái vốn của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Dofico) là chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai như sau:

**1. Mục tiêu thoái vốn:**

- Thoái 100% vốn của Dofico tại Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

- Số vốn thoái: 7.210.800 cổ phiếu, chiếm 72,108% vốn điều lệ.

**2. Phương thức thoái vốn:** theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản có liên quan khác.

**3. Thủ tục chào mua:** nhà đầu tư mua cổ phần thoái vốn của Dofico tại Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai có số lượng cổ phần từ 25% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phần Công ty theo quy định pháp luật chứng khoán.

Ủy quyền cho HĐQT triển khai các trình tự thủ tục thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai theo quy định của pháp luật và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**